

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 15-9-2022
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Phạm Thị Kim Thảo

2/- Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Võ Tân P, sinh năm:1966.

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp B, xã A, Huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Tổ 18, Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2022 (có mặt)

-Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Bà Lê Thị E, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng cư trú:Tổ 3, ấp A, xã An H, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 29-3-2022 và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn ông Phạm Thái B trình bày: Vào năm 2014 vợ chồng

ông H có cho ông P 30.800m² đất ở xã Vĩnh Bình với giá 600.000.000 đồng, sau đó ông P cho vợ chồng ông H thuê lại để canh tác mỗi tháng trả vốn số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất 2% cho đến khi trả hết số tiền 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện thì vợ chồng ông H chỉ trả cho ông P tiền thuê đất 2 năm là 60.000.000 đồng và trả nhiều lần được 90.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi, số tiền vốn còn lại là 510.000.000 đồng từ năm 2015 vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ, khi ông P đến nhà liên hệ thì được biết vợ chồng ông H đã bán toàn bộ diện tích đất trên lấy tiền mua 2 máy cắt lúa, 2 chiếc trệt và 2 chiếc máy kéo đi cắt lúa nhiều nơi trong và ngoài tỉnh, qua tìm kiếm nhiều nơi đến đầu năm 2017 thì ông P tìm gặp vợ chồng ông H đang cắt lúa ở Vĩnh Bình, tại đây vợ chồng ông H thỏa thuận cứ 2 tháng trả cho ông P 20.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 1%/tháng, nếu sai hẹn thì vợ chồng ông đồng ý giao tài sản là máy cắt lúa... để trừ nợ (có làm tờ cam kết ngày 25/3/2017), sau 2 tháng vợ chồng ông H vẫn không thực hiện đúng cam kết, ông P tiếp tục tìm kiếm thì biết được vợ chồng ông H đang cắt lúa ở Sóc Trăng, tại đây ông P định giữ máy móc để đảm bảo việc trả nợ nhưng vợ chồng ông H năn nỉ nếu không cắt lúa được lấy tiền đâu trả cho ông P, nên 1 lần nữa ông P cho vợ chồng ông H cam kết ký ngày 18/6/2017 với nội dung đến ngày 20/7/2017 sẽ trả cho ông P 60.000.000 đồng (vốn 40.000.000 đồng, lãi suất 20.000.000 đồng); đến ngày 20/9/2017 sẽ trả cho ông P 30.000.000 đồng (vốn 20.000.000 đồng, lãi 10.000.000 đồng). Sau đó thì vợ chồng ông H di chuyển chỗ cắt lúa không tìm kiếm được. Ngoài ra vào ngày 16/11/2016 vợ chồng ông H còn mượn ông P 120.000.000 đồng để sửa máy hứa cắt lúa xong đồng kinh cũ sẽ trả nhưng không thực hiện, khi làm cam kết ngày 25/3/2017 vợ chồng ông H yêu cầu không ghi tiền mượn này vào tờ cam kết.

Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông P số tiền vốn tổng cộng 630.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 630.000.000 đồng và phía bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Võ Tân P khởi kiện ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 630.000.000đồng. Tuy phía ông H và bà E đều vắng mặt tại phiên tòa, song căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp như tờ cam kết đề ngày 25/3/2017 do ông H và bà E ký tên và lấn tay có ông Trần Văn Thanh làm nhân chứng, giấy vay tiền đề ngày 16/11/2016 do ông H ký, tờ cam kết đề ngày 18/6/2017 do ông H và bà E ký tên, cũng như lời khai của nhân chứng Trần Văn Thanh trưởng khóm Phước Thành, Thị Trấn Vĩnh Bình, Châu Thành, An Giang tại biên bản xác minh ngày 24/6/2022: “Ông là người chứng kiến và viết tờ cam kết ngày 25/3/2017 cho 2 bên ông P và ông Hùng, bà E, nội dung ông chứng kiến và viết tờ cam kết là: Vào năm 2014 Ông P và ông Hùng, bà E có xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với diện tích 30.800m² đất ở xã Vĩnh Bình với giá 600.000.000 đồng, sau đó 2 bên thỏa thuận cho thuê lại ông P cho vợ chồng ông H thuê lại để canh tác mỗi tháng trả vốn số tiền 25.000.000đồng và lãi suất 2% cho đến khi trả hết số tiền 600.000.000đồng đến năm 2015 vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ và đã bán toàn bộ diện tích đất đã cố và thuê lại lấy tiền mua 2 máy cắt lúa, 2 chiếc trệt và 2 chiếc máy kéo đi cắt lúa đến ngày 25/3/2017 hai bên tiếp tục thỏa thuận chuyển sang hợp đồng vay tài sản, cứ 2 tháng trả cho ông P 20.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 1%/ tháng, nếu sai hạn thì vợ chồng ông H đồng ý giao tài sản là máy cắt lúa... để trừ nợ...”.

Từ các chứng cứ trên và lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy: Vào năm 2014 hai bên xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với diện tích 30.800m² đất ở xã Vĩnh Bình với giá 600.000.000 đồng, sau đó 2 bên thỏa thuận cho thuê lại ông P cho vợ chồng ông H thuê lại để canh tác mỗi tháng trả vốn số tiền 25.000.000đồng và lãi suất 2% cho đến khi trả hết số tiền 600.000.000đồng. Quá trình thực hiện thì vợ chồng ông H chỉ trả cho ông P tiền thuê đất 2 năm là 60.000.000 đồng và trả nhiều lần được 90.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi, số tiền vốn còn lại là 510.000.000 đồng từ năm 2015 vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ và đã bán toàn bộ diện tích đất đã cố và thuê lại lấy tiền mua 2 máy cắt lúa, 2 chiếc trệt và 2 chiếc máy kéo đi cắt lúa đến ngày 25/3/2017 hai bên tiếp tục thỏa thuận chuyển sang hợp đồng vay tài sản, cứ 2 tháng trả cho ông P 20.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 1%/ tháng, nếu sai hạn thì vợ chồng ông H đồng ý giao tài sản là máy cắt lúa... để trừ nợ (có làm tờ cam kết), quá trình thực hiện vợ chồng ông H vẫn không thực hiện đúng cam kết, đến ngày 18/6/2017 vợ chồng ông H tiếp tục ký cam kết với nội dung đến ngày 20/7/2017 sẽ trả cho ông P 60.000.000 đồng (vốn 40.000.000 đồng, lãi suất 20.000.000 đồng); đến ngày 20/9/2017 sẽ trả cho ông P 30.000.000 đồng (vốn 20.000.000 đồng, lãi 10.000.000

đồng), nhưng phía vợ chồng ông Hùng, bà E không thực hiện đúng như thỏa thuận. Ngoài ra vào ngày 16/11/2016 vợ chồng ông H còn mượn ông P 120.000.000 đồng để sửa máy hút bụi lồng kính cũ sẽ trả nhưng không thực hiện. Như vậy từ những cơ sở trên xác định hai bên có xác lập mối quan hệ hợp đồng vay là thật và ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E còn nợ ông Võ Tân P tổng cộng 630.000.000 đồng. Xét thấy trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi đúng định kỳ, nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng theo cam kết. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E phải có nghĩa vụ trả số tiền 630.000.000 đồng và trả 1 lần theo yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Phạm Thái Bình không yêu cầu bị đơn trả lãi nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Võ Tân P theo quy định tại điểm c mục 1.3 án phí dân sự sơ thẩm của Danh mục án phí lệ phí Tòa án tại Nghị quyết 326 cụ thể như sau: $630.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 9.200.000 \text{ đồng} (4\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá } 400.000.000 \text{ đồng} (4\% \times 230.000.000 \text{ đồng}) = 29.200.000 \text{ đồng}.$ Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Tân P .

2. Buộc ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E có nghĩa vụ trả cho ông Võ Tân P số tiền là 630.000.000đ (sáu trăm ba mươi triệu đồng)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4.Về án phí: Ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E phải chịu 29.200.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.Ông Võ Tân P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.600.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0005012 ngày 9/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6.Ông Võ Tân P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2022). Ông Phạm Văn H và bà Lê Thị E có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV-THA. TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CC.THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Kim Hoa